

Số: 580/QĐ-ĐHTM

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v cấp học bổng thủ khoa cho sinh viên Khóa 61  
Trường Đại học Thương mại**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 06 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2168/QĐ-ĐHTM ngày 06 tháng 12 năm 2023 và Quyết định 1528/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định thu chi nội bộ trong Trường Đại học Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 406/QĐ-ĐHTM ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định về việc xét, cấp học bổng cho sinh viên đại học chính quy của Trường Đại học Thương mại

Căn cứ kết luận cuộc họp của Hội đồng xét, cấp học bổng thủ khoa Trường Đại học Thương mại ngày 03 tháng 9 năm 2025;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác sinh viên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp học bổng cho 20 sinh viên Khóa 61 (2025-2029) là thủ khoa các ngành đào tạo của Trường Đại học Thương mại.

(Có danh sách kèm theo)

Mức học bổng: 10.000.000 đ/ sinh viên

**Tổng cộng: 200.000.000 đ**

Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng chẵn.

Nguồn kinh phí: Quỹ học bổng khuyến khích học tập và hỗ trợ người học

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng các phòng: Công tác sinh viên, Kế hoạch Tài chính, Quản lý Đào tạo; Truyền thông và Tuyển sinh; Trưởng các Khoa/Viện quản lý sinh viên chính quy, các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Như điều 3
- Lưu: VT, P.CTSV

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
\_\_\_\_\_  
**PGS, TS Nguyễn Hoàng**

**DANH SÁCH SINH VIÊN K61 ĐẠT HỌC BỔNG THỦ KHOA**

(Kèm theo quyết định số 580/QĐ-ĐHTM ngày 04 tháng 9 năm 2025)

| STT       | HỌ VÀ TÊN            | LỚP     | MÃ SINH VIÊN | KHOA/VIỆN           | MÃ NGÀNH | NGÀNH                               | ĐIỂM XÉT HB | MỨC HB (VNĐ) |
|-----------|----------------------|---------|--------------|---------------------|----------|-------------------------------------|-------------|--------------|
| 1         | Nguyễn Mai Phương    | K61A4   | 25D100219    | Quản trị kinh doanh | TM01     | Quản trị kinh doanh                 | 29.25       | 10,000,000   |
| 2         | Nguyễn Minh Quang    | K61BK12 | 25D255091    | Khách sạn - Du lịch | TM05     | Quản trị khách sạn                  | 28.75       | 10,000,000   |
| 3         | Trần Thành Đạt       | K61BLH1 | 25D250011    | Khách sạn - Du lịch | TM06     | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 28.00       | 10,000,000   |
| 4         | Phạm Hưng            | K61CD3  | 25D121100    | Marketing           | TM09     | Marketing                           | 30.00       | 10,000,000   |
| 5         | Đỗ Anh Đức           | K61D2   | 25D150048    | Kế toán - Kiểm toán | TM12     | Kế toán                             | 29.25       | 10,000,000   |
| 6         | Nguyễn Thu Hà        | K61DK1  | 25D290016    | Kế toán - Kiểm toán | TM15     | Kiểm toán                           | 29.00       | 10,000,000   |
| 7         | Nguyễn Hiền Trâm     | K61E4   | 25D130185    | Kinh tế & KDQT      | TM19     | Kinh doanh quốc tế                  | 30.00       | 10,000,000   |
| 8         | Nguyễn Hùng Sơn      | K61EK3  | 25D260131    | Kinh tế & KDQT      | TM21     | Kinh tế quốc tế                     | 29.25       | 10,000,000   |
| 9         | Lê Bá Hoàng          | K61LQ1  | 25D300021    | Kinh tế & KDQT      | TM17     | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | 30.00       | 10,000,000   |
| 10        | Nguyễn Đức Việt      | K61FII2 | 25D161087    | Kinh tế             | TM23     | Kinh tế                             | 29.00       | 10,000,000   |
| 11        | Phan Trung Hiếu      | K61H3   | 25D180093    | Tài chính ngân hàng | TM24     | Tài chính - Ngân hàng               | 29.00       | 10,000,000   |
| 12        | Phạm Lân Dũng        | K61I1   | 25D140010    | HTTTKT&TMĐT         | TM28     | Thương mại điện tử                  | 30.00       | 10,000,000   |
| 13        | Nguyễn Mai Chi       | K61S2   | 25D190053    | HTTTKT&TMĐT         | TM31     | Hệ thống thông tin quản lý          | 30.00       | 10,000,000   |
| 14        | Phạm Thị Huyền An    | K61QT2  | 25D107059    | Tiếng Trung Quốc    | TM40     | Ngôn ngữ Trung Quốc                 | 30.00       | 10,000,000   |
| 15        | Trần Tuấn Thành      | K61N4   | 25D170221    | Tiếng Anh           | TM33     | Ngôn ngữ Anh                        | 29.25       | 10,000,000   |
| 16        | Ngô Tiến Đạt         | K61QAS1 | 25D410017    | Đào tạo quốc tế     | TM43     | Quản trị kinh doanh - Khởi nghiệp   | 27.00       | 10,000,000   |
| 17        | Trần Vũ An Nguyên    | K61QCM1 | 25D420025    | Đào tạo quốc tế     | TM44     | Marketing - Thương mại SP và DV     | 27.75       | 10,000,000   |
| 18        | Lê Anh Nhật          | K61P3   | 25D200131    | Luật                | TM34     | Luật kinh tế                        | 28.50       | 10,000,000   |
| 19        | Nguyễn Thị Yến Trang | K61V1   | 25D400051    | Toán kinh tế        | TM39     | Kinh tế số                          | 28.00       | 10,000,000   |
| 20        | Nguyễn Thùy Linh     | K61U1   | 25D210026    | Quản trị nhân lực   | TM37     | Quản trị nhân lực                   | 29.50       | 10,000,000   |
| TỔNG CỘNG |                      |         |              |                     |          |                                     |             | 200,000,000  |



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS Nguyễn Hoàng